TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **408**/2023/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 22 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH Đ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 437/2023/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, về việc "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông **Tạ Văn N**, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố 3, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

Tạm trú: Chung cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố 3, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

Tạm trú: Chung cư C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H.

Giao con chung cháu Tạ Anh D, sinh ngày 29/8/2016 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Tạ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tạ Anh D, sinh ngày 29/8/2016 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Tạ Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H.

Giao con chung cháu Tạ Anh D, sinh ngày 29/8/2016 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Tạ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tạ Anh D, sinh ngày 29/8/2016 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Tạ Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0006459 ngày 27/02/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B được tính trừ vào lệ phí ông Tạ Văn N và bà Nguyễn Thị H đã nộp.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tạ Văn N chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã P (nay là phường P), TP. B, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Dung